

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ TAM KỲ
TỈNH QUẢNG NAM**

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 273/2017/HNGĐ-ST
Ngày: 29-8-2017
V/v tranh chấp “Ly hôn”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ TAM KỲ-TỈNH QUẢNG NAM

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Ánh Nguyệt

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Đặng Thị Phú Hoa.

2. Ông Nguyễn Văn Thông.

- Thư ký phiên tòa: Bà Trịnh Thị Thu Diễm là Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Tam Kỳ, tỉnh Quảng Nam.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Tam Kỳ, tỉnh Quảng Nam tham gia phiên tòa: Bà Lê Thị Ngọc Linh - Kiểm sát viên.

Ngày 29 tháng 8 năm 2017 tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Tam Kỳ, tỉnh Quảng Nam xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 154/2017/TLST-HNGĐ ngày 23 tháng 5 năm 2017 về tranh chấp “Ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 31/2017/QĐXXST-HNGĐ ngày 19 tháng 7 năm 2017 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Bà Trần Thị Hà G, sinh năm 1972 (Có mặt).

Địa chỉ cư trú: Thôn N, xã T, thành phố T, tỉnh Quảng Nam.

- *Bị đơn:* Ông Nguyễn Ngọc L, sinh năm 1968 (Vắng mặt).

Địa chỉ cư trú: Thôn N, xã T, thành phố T, Quảng Nam.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện ly hôn đề ngày 20 tháng 5 năm 2017, tại bản tự khai cũng như tại phiên tòa nguyên đơn bà Trần Thị Hà G trình bày:

- Về quan hệ hôn nhân: Bà và ông Nguyễn Ngọc L kết hôn năm 1997, hôn nhân hoàn toàn tự nguyện, đăng ký tại Ủy ban nhân dân xã T, thành phố T, tỉnh Quảng Nam. Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống được thời gian thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do ông L hay say xỉn, ông L dùng rượu thường xuyên xúc phạm bà và quậy phá gây rối trật tự công cộng, ông L không tôn trọng vợ con, bà đã nhiều lần tha thứ bỏ qua nhưng hai năm gần đây vợ chồng bà đã không còn tình cảm. Nay xét thấy tình cảm không còn, bà làm đơn xin ly hôn với ông Nguyễn Ngọc L.

- Về con chung : Vợ chồng có 02 con chung là Nguyễn Thị Thảo S, sinh năm 1998 và Nguyễn Thị N sinh ngày 09-11-2001. Nếu ly hôn, bà xin được nuôi hai con và yêu cầu ông L phải có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi cháu N theo quy định pháp luật.

- Về tài sản chung: Vợ chồng tự thỏa thuận và không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về nợ chung: Không có.

Tại bản tự khai, biên bản hòa giải bị đơn ông Nguyễn Ngọc L trình bày:

- Về hôn nhân: Ông thống nhất với lời trình bày của bà Trần Thị Hà G về thời gian kết hôn, địa điểm kết hôn cũng như thừa nhận cuộc hôn nhân trên là hoàn toàn tự nguyện. Riêng về nguyên nhân mâu thuẫn vợ chồng theo ông, trong quá trình chung sống bản thân ông đã có những hành động không đúng và có lỗi với vợ, nay vợ ông gửi đơn yêu cầu ly hôn, ông mong vợ tha thứ, bỏ qua cho ông và yêu cầu đoàn tụ.

- Về con chung: Vợ chồng có 02 con chung là Nguyễn Thị Thảo S, sinh năm 1998 và Nguyễn Thị N sinh ngày 09-11-2001. Nếu ly hôn, ông xin được nuôi dưỡng cháu N và không yêu cầu bà G phải có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con.

- Về tài sản chung: Vợ chồng tự thỏa thuận và không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về nợ chung: Không có.

Tại phiên tòa Kiểm sát viên phát biểu ý kiến: Từ thời điểm Tòa án thụ lý vụ án đến phiên tòa hôm nay, Thẩm phán, Thư ký và Hội đồng xét xử đã tuân thủ đúng quy trình tố tụng; nguyên đơn chấp hành đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; tại phiên tòa bị đơn vắng mặt theo quy định tại điều 227 BLTTDS Hội đồng xét xử tiếp tục giải quyết vụ án theo luật định. Viện kiểm sát đề nghị: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Trần Thị Hà G, bà G được ly hôn với ông L; giao cháu Nguyễn Thị N cho bà G chăm sóc, nuôi dưỡng, ông L phải có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

1. Về tố tụng: Bà Trần Thị Hà G khởi kiện yêu cầu ly hôn với ông Nguyễn Ngọc L, theo quy định tại khoản 1 Điều 28, Điều 35 và khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 vụ việc thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án. Tòa án đã tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng đến ông Nguyễn Ngọc L theo quy định pháp luật, tuy nhiên ông L vắng mặt tại phiên tòa mà không có lý do. Vì vậy, căn cứ khoản 2 Điều 227 và Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt ông L theo quy định pháp luật.

2. Về nội dung: Xét yêu cầu khởi kiện ly hôn của bà Trần Thị Hà G với ông Nguyễn Ngọc L thấy rằng:

- Về hôn nhân: Bà Trần Thị Hà G và ông Nguyễn Ngọc L đăng ký kết hôn vào ngày 03-7-1997 tại UBND xã T, thành phố T, tỉnh Quảng Nam, hôn nhân hoàn toàn tự nguyện nên đây là hôn nhân hợp pháp, được pháp luật thừa nhận và bảo vệ. Trong thời gian chung sống bà G cho rằng: Ông L thường xuyên xúc phạm và có những hành động vũ phu đối với bà nên mâu thuẫn vợ chồng ngày càng trầm trọng. Ông L lại cho rằng bản thân ông có những hành động có lỗi với vợ, nhưng ông đề nghị vợ tha thứ bỏ qua cho ông và yêu cầu Tòa án cho đoàn tụ. Hội đồng xét xử xét: Từ thời điểm thụ lý vụ án đến nay Toà án đã tiến hành hoà giải theo luật định, tuy nhiên bà G vẫn giữ quan điểm yêu cầu ly hôn và không chấp nhận yêu cầu đoàn tụ cùng ông L, tại biên bản xác nhận ngày 22-5-2017, UBND xã T cho biết cuộc sống hôn nhân giữa bà G và ông L thường xuyên xảy ra mâu thuẫn. Tại phiên tòa hôm nay ông L tiếp tục vắng mặt nên xét thiện chí yêu cầu đoàn tụ của ông L là không có. Nay xét tình cảm vợ chồng không còn, hạnh phúc hôn nhân không đạt được nên Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu ly hôn của bà Trần Thị Hà G, xử cho bà G được ly hôn với ông L.

- Về con chung: Bà G và ông L có 02 con chung Nguyễn Thị Thảo S, sinh năm 1998 (đã trưởng thành) và Nguyễn Thị N, sinh ngày 09-11-2001, bà G yêu cầu nuôi dưỡng hai con và yêu cầu ông L phải có nghĩa vụ cấp dưỡng cho cháu N theo quy định pháp luật. Ngược lại ông L yêu cầu nuôi dưỡng cháu N và không yêu cầu bà G phải có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con. Hội đồng xét xử xét: Hiện tại con chung Nguyễn Thị Thảo S đã trưởng thành, riêng cháu Nguyễn Thị N hiện đang sinh sống với bà G, cháu N cũng có nguyện vọng xin được ở với mẹ, bà G là giáo viên, có thu nhập ổn định, xét yêu cầu của bà G là hợp lý nên Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của bà G, tiếp tục giao cháu N cho bà G trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và buộc ông L phải có nghĩa vụ cấp dưỡng cho cháu N mỗi tháng 1.300.000 đồng cho đến khi cháu N đủ 18 tuổi là đúng theo quy định tại khoản 3 Điều 81 và Điều 110 Luật Hôn nhân gia đình năm 2014.

- Về tài sản chung: Vợ chồng tự thỏa thuận và không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về nợ chung: Không có.

3. Về án phí: Án phí dân sự sơ thẩm về ly hôn là 300.000 đồng (*Ba trăm nghìn đồng*) bà Trần Thị Hà G phải chịu.

Án phí cấp dưỡng ông Nguyễn Ngọc L phải chịu theo quy định pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 2 Điều 26, khoản 1 Điều 28 và khoản 4 Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự;

Áp dụng Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 84 và Điều 110 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 và Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016, xử:

1/ Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Trần Thị Hà G với bị đơn ông Nguyễn Ngọc L về việc ly hôn.

- Về hôn nhân: Bà Trần Thị Hà G được ly hôn với ông Nguyễn Ngọc L.
- Về con chung: Giao cháu Nguyễn Thị N, sinh ngày 09-11-2001 cho bà Trần Thị Hà G trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng đến khi cháu N đủ tuổi trưởng thành (18 tuổi). Con chung Nguyễn Thị Thảo S đã trưởng thành.

Ông Nguyễn Ngọc L có nghĩa vụ cấp dưỡng cho cháu N mỗi tháng 1.300.000 đồng (*Một triệu ba trăm nghìn đồng*) cho đến khi cháu N đủ 18 tuổi, thời gian cấp dưỡng bắt đầu từ tháng 9 năm 2017.

Kể từ ngày bà Trần Thị Hà G có đơn yêu cầu thi hành án, nếu ông Nguyễn Ngọc L không thanh toán số tiền cấp dưỡng, thì hàng tháng ông L còn phải chịu thêm tiền lãi chậm trả trên số tiền cấp dưỡng theo quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015 tương ứng với số tiền và thời gian chậm thi hành án.

Bên không trực tiếp nuôi con có quyền thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung, không ai được ngăn cản họ thực hiện quyền này. Trong trường hợp người không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, giáo dục, nuôi dưỡng con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế việc thăm nom của người đó. Khi cần thiết, các bên có quyền làm đơn xin thay đổi việc nuôi con, mức cấp dưỡng nuôi con.

2/ Về án phí:

- Án phí ly hôn bà Trần Thị Hà G phải chịu là 300.000 đồng (*ba trăm nghìn đồng*) nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án đã nộp là 300.000đ theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0002741 ngày 23-5-2017 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố T, tỉnh Quảng Nam.

- Án phí cấp dưỡng ông Nguyễn Ngọc L phải chịu là: 300.000 đồng (*Ba trăm nghìn đồng*).

Các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo bản án sơ thẩm trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Riêng những người vắng mặt thời hạn trên được tính kể từ ngày được Tòa án tổng đạt hợp lệ, niêm yết bản sao bản án.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Quảng Nam;
- VKSND thành phố Tam Kỳ;
- Cơ quan THADS TP Tam Kỳ;
- UBND xã T;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án;
- Lưu án văn.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

(đã ký)

Nguyễn Thị Ánh Nguyệt